

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 112/2026/HS-PT
Ngày: 02 - 6 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Dương Hà Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số 145/2026/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Trần Văn N; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 91/2026/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Văn N, tên gọi khác: không, sinh năm: 1989 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ A, ấp E, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: số A, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ là Nguyễn Phương A, sinh năm 1997 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013; nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2018 bị Công an huyện C (cũ), tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi Gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức. Đã nộp phạt ngày 09/02/2018.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại liên quan đến kháng cáo: Anh Đào Đức L, sinh năm: 1990; địa chỉ: số A, đường B, Phường C B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Phương A, sinh năm: 1997; địa chỉ: số A, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Minh P, sinh năm: 2000; địa chỉ: số H, đường A, phường B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 06/4/2025 Đào Đức L, sinh năm: 1990, nơi cư trú: số A, đường B, Phường C B, tỉnh Lâm Đồng cùng với Phạm Minh P, sinh năm: 2000, nơi cư trú: số H, đường A, Phường B, tỉnh Lâm Đồng và một người tên Nguyễn Anh D1, sinh năm: 1986 đến nhậu tại quán Ó, địa chỉ: số A, đường T, phường L, thành phố B (nay là Phường B), tỉnh Lâm Đồng, khi đến nơi thì nhóm của L ngồi tại khu vực vỉa hè đối diện quán ốc 97, lúc này L đi vệ sinh còn P đang ngồi ở bàn thì chị Nguyễn Phương A, sinh năm: 1997, nơi ở hiện tại: số A, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng là chủ quán đến ghi món ăn, khi chị Phương A đang đứng tại đây thì L đi đến từ phía sau chị Phương A rồi vòng tay từ phía sau sờ vào ngực chị Phương A, chị Phương A phản ứng vùng ra, đi xuống đường không cho L thực hiện tiếp hành động nêu trên. Sau đó chị Phương A đi vào trong quán còn nhóm của L tiếp tục ngồi nhậu tại bàn.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, Trần Văn N là chồng của Phương A đến quán Ó thì được chị Phương A kể lại sự việc trên và coi lại camera của quán. Do bức xúc vì hành động của L, N cầm lấy 01 cái chày gỗ dài 22cm, hình trụ tròn để ở trong khu vực nhà bếp của quán và bỏ vào túi áo khoác bên phải rồi tiến đến bàn nhậu của nhóm L đang ngồi và ngồi xuống bên tay phải của L còn P ngồi đối diện N và L. Lúc này N nói chuyện với L về việc tại sao L lại có hành động sàm sỡ với chị Phương A nhưng L không thừa nhận nên giữa hai bên xảy ra tranh cãi, khi L đứng dậy thì N lấy cái chày gỗ để sẵn trong túi trước đó đánh liên tiếp 03 cái vào vùng mắt trái của L. Sau đó được những người xung quanh can ngăn nên N không đánh L nữa còn L được đưa đi cấp cứu.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 147/KLTTCT-PVPYQG ngày 28/7/2025 của P1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Đào Đức L là 14%; tổn thương do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Tại Kết luận giám định kỹ thuật số 525/KL-KTHS ngày 11/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận không phát hiện dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa trong 02 File video clip gửi giám định.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đang tạm giữ 01 chiếc chày gỗ màu vàng dài 22cm, hình trụ tròn, mặt chày có đường kính lớn nhất 4,5cm, mặt chày có đường kính nhỏ nhất 4cm, thân chày có

không có giá trị.

Đối với Đào Đức L, quá trình điều tra đủ cơ sở xác định Đào Đức L đã có hành vi vòng tay từ phía sau ôm vào phần ngực của người chị Phương A khi không được chị Phương A đồng ý. Tuy nhiên hành vi của Đào Đức L chỉ là vi phạm hành chính, Công an P2 đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Đào Đức L về hành vi “Sàm sỡ, quấy rối tình dục” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về trách nhiệm Dân sự: Quá trình điều tra, Đào Đức L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về phần dân sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, không khiếu nại hay tranh luận gì.

Tại Cáo trạng số 147/CTr-VKSKV4 ngày 28/2/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án số 91/2026/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026; Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/4/2026 bị cáo Trần Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo Trần Văn N ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án; xác định bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng tội danh; căn cứ nhân thân bị cáo, thương tích của bị hại, xử phạt bị cáo với mức án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là trong khung hình phạt; bị cáo có đơn kháng cáo nhưng không đưa ra thêm các tình tiết mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn N đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như phần nội dung của Bản án sơ thẩm đề cập, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, xét xử sơ thẩm; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Xuất phát từ việc Trần Văn N bức xúc vì việc vợ là Nguyễn Phương A bị anh Đào Đức L có hành vi sàm sỡ nên đã có hành vi dùng chày gỗ đánh nhiều cái vào vùng mặt trái của Đào Đức L gây thương tích.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 147/KLTTCT-PVPYQG ngày 28/7/2025 của P1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Đào Đức L là 14%; tổn thương do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo N đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.2] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, liều lĩnh, xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác; bản thân bị cáo có trình độ học vấn nhất định, chỉ vì bức xúc do hành vi không đúng mực của bị hại mà bị cáo đã dùng chày gỗ là hung khí nguy hiểm đánh vào mặt của bị hại gây thương tích. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, xử phạt một mức án phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra như để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung; cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.3] Đối với yêu cầu của bị cáo xin được hưởng án treo thì thấy rằng: Tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Văn bản số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của

Tòa án nhân dân tối cao hợp nhất các Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì:

“2. Người bị xử phạt tù có nhân thân là ngoài lần phạm tội này, người phạm tội chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

a) Đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vì phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vì phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo”. Trong thực tế, vào năm 2018 bị cáo bị xử phạt hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi *“Gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức”*; dù đến nay đã được xem là hết tiền sự nhưng do bị cáo bị truy tố tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt lên đến 06 năm tù, thuộc trường hợp nghiêm trọng nên việc bị cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Tuy nhiên, nguyên nhân chính dẫn đến việc bị cáo phạm tội là do anh L đã có hành vi không chuẩn mực, đã sờ vào ngực của vợ bị cáo nhưng sau đó khi hai bên nói chuyện thì L lại không thừa nhận sự việc đã xảy ra, dẫn đến sự bức xúc của bị cáo. Hành vi của bị cáo mang tính chất bộc phát, do vậy khi lượng hình cũng cần xem xét để áp dụng mức hình phạt cho bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 03 con, trong đó nhỏ nhất sinh năm 2022, đang do bị cáo nuôi dưỡng vì theo lời trình bày của bị cáo thì hiện nay vợ bị cáo đã bỏ đi nơi khác, bị cáo đang làm thủ tục xin ly hôn. Đồng thời, bị cáo đã nhận thức được tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại cũng có lỗi và cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và cân nhắc giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sau khi được cải tạo trở thành người có ích cho xã hội thì có điều kiện chăm sóc cho gia đình và nuôi nấng con cái, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[3.5] Với những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn N để tuyên xử theo hướng đã nhận định.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn N. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 91/2026/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn N không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người liên quan (01);
- Hồ sơ THAHS (07);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch